SUPPLEMENTARY EXERCISES - ENGLISH 3 – GRADE 3

I. Choose the different underlined sounds. / *Chọn từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại.*

0.	A. h**ow**	B. t**ow**n	C. p**ow**er	(D.) sl**ow**
1.	A. n**ew**	B. s**ew**	C. f**ew**	D. neph**ew**
2.	A. sh**i**p	B. f**i**sh	C. k**i**te	D. s**i**t
3.	A. fa**th**er	B. mon**th**	C. mo**th**er	D. bro**th**er
4.	A. kit**ch**en	B. **ch**air	C. **ch**ess	D. s**ch**ool
5.	A. p**u**zzle	B. tr**u**ck	C. r**u**ler	D. dr**u**m

II. Put the words in order. / *Sắp xếp lại từ thành câu có nghĩa.*

1. name/ my/ Phong/is.
   _____
2. your/ what/is/ name?
   _____?
3. do/ spell/ name/you/how/ your?
   _____ ?
4. N-/ A/ L-/D-/I-/
   _____

III. Circle A, B, C or D to finish the sentences. / *Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau.*

0. _____ to meet you.
   (A.) Nice B. x C. Nine D. Good
1. How old is your grandmother? She is eighty _____ old.
   A. year B. years C. x D. yes
2. Bye. See you _____.
   A. late B. nice C. later D. x
3. _____is Nam from? He's from Hai Phong.
   A. What B. Who C. x D. Where
4. _____up, please.
   A. Stand B. Sit C. Read D. x
5. _____ is your name?
   A. Who B. What C. x D. How

LIVEWORKSHEETS

IV. Look at the picture. Then complete the sentences. / *Nhìn tranh. Hoàn thành các câu sau.*

0. A: _____. My _____ is Nam.
   B: _____, _____ Linda.

   A: Hello. My name is Nam.
   B: Hi. I'm Linda.





1. A: _____, mommy.

   B: Good morning, daughter



2. A: _____ your name?

   B: _____ is Tom.



3. A: _____?

   B: I'm fine. Thank you.



4. A: _____.

   B: Bye.



V. Read and complete the paragraph below. / *Đọc và hoàn thiện đoạn văn sau.*

nine	Hello	friends	name

(1)_____! My (2)_____is Nam. I'm eight years old. These are my (3)_____Peter and Linda. Peter is seven years old and Linda is (4)_____.

------ THE END ------

LIVEWORKSHEETS